

Đắk Lắk, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Huỳnh D1** và bà **Trần Thị N1**, vắng mặt.

3.2. Ông **Huỳnh T1**, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn L1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. **Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk**; địa chỉ: 170 Đường H, phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

3.4. **Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; địa chỉ: 45 đường N1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà **Lại Thị Thùy D**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn ông Nguyễn A, bà Lại Thị Thùy D trình bày:*

Năm 2012, ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N1 (viết tắt là vợ chồng bà N1) là bố mẹ chồng của bà D có tặng cho vợ chồng bà D sử dụng cái ao với diện tích nhỏ và con đường đi xuống ao tại thôn L, xã P, huyện K có lập biên bản thỏa thuận ngày 17/01/2012 để cho vợ chồng bà D sử dụng suốt đời. Sau đó, vợ chồng bà D đã tự mở rộng ao với diện tích 750m², tạo lập thành 01 ao hoàn chỉnh với 04 bậc thành ao đều có bậc cấp, mỗi bậc cấp cao hơn 01m, bên ngoài có 01 mương thoát nước, có 02 ống thoát nước vào mùa mưa, vợ chồng bà D đã mở rộng ao với số tiền 20.000.000đ.

Năm 2013 vợ chồng bà N1 tặng cho con trai Huỳnh T1 diện tích đất 6.550m² trong đó có diện tích đất ao đã cho vợ chồng bà D.

Năm 2016, ông Huỳnh T1 đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T (viết tắt là vợ chồng ông Đ). Sau đó, vợ chồng ông Đ được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất mang tên Phan Văn Đ, trong diện tích đất 6.550m² UBND huyện K đã cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Đ có diện tích đất ao của vợ chồng bà D được vợ chồng bà N1 tặng cho để sử dụng suốt đời. Sau đó, giữa vợ chồng bà D và vợ chồng ông Đ đã lập biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016 với nội dung để vợ chồng bà D sử dụng cái ao 10 năm, nếu ai vi phạm phải bồi thường số tiền 20.000.000đ.

Một thời gian sau vợ chồng ông Đ chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho vợ chồng ông Dương N, bà Huỳnh Thị M (viết tắt là vợ chồng ông N) trong đó có diện tích ao của vợ chồng bà D. Vợ chồng ông N đã có hành vi rào chắn đường đi xuống ao rồi san lấp bờ ao nên diện tích ao hiện nay còn rất nhỏ. Vợ chồng bà D yêu cầu vợ chồng ông N ngừng san lấp ao nhưng vợ chồng ông N không dừng lại. Sự việc san lấp ao của vợ chồng ông N được sự đồng ý của vợ chồng ông Đ. Vợ chồng

bà D đã liên hệ với ông Đ thì ông Đ nói vợ chồng bà D cứ thực hiện theo biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016.

Nay vợ chồng bà D yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Hồ Thị Thanh T bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đ; yêu cầu ông Đ, bà T, ông Dương N và bà Huỳnh Thị M liên đới bồi thường 20.000.000đ vì đã gây ra thiệt hại đối với 150 trụ tiêu, 800 cây cà phê do không đủ nước tưới và trả lại 750m² diện tích đất ao; 100m² diện tích đất đi xuống ao cho vợ chồng bà D. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T1, bà Ngô Thị Xuân Tr đã được đăng ký biến động sang tên ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T vào ngày 22/4/2016.

- Bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Năm 2016, vợ chồng ông Đ đã nhận chuyển nhượng diện tích 6.550m² đất của ông Huỳnh T1 với số tiền 43.000.000đ và đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất mang tên Phan Văn Đ.

Sau khi mua đất do thiếu tiền nên vợ chồng ông Đ đã sang nhượng 01 phần diện tích đất trên cho vợ chồng ông N, khi mua bán chỉ thỏa thuận bằng miệng. Vợ chồng ông N chưa đủ tiền nên vợ chồng ông Đ chưa thực hiện thủ tục sang tên cho vợ chồng ông N. Hiện nay, diện tích đất bán cho vợ chồng ông N, vẫn nằm trong giấy CNQSD đất mang tên Phan Văn Đ.

Vì tin tưởng nhau nên vợ chồng ông Đ để cho vợ chồng bà D sử dụng ao trên đất của vợ chồng ông Đ và giữa hai bên có lập biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016 với nội dung: Vợ chồng ông Đ chấp nhận để vợ chồng bà D sử dụng ao 10 năm, hết thời gian đó vợ chồng bà D phải hoàn trả lại diện tích ao cho vợ chồng ông Đ nếu ai làm sai thì phải bồi thường 20.000.000đ. Thực tế, ao đang tranh chấp chỉ để chứa nước và tưới cà phê được khoảng 2 giờ là hết nước. Do tin tưởng nhau nên khi ký vào biên bản thỏa thuận thì vợ chồng ông Đ không đo đạc diện tích ao. Vợ chồng bà D cho rằng diện tích ao bị thu nhỏ lại do bị san lấp là không đúng, kể từ thời gian vợ chồng ông Đ mua đất (năm 2016) cho đến nay diện tích ao vẫn được giữ nguyên. Vợ chồng bà D đã múc ao sử dụng từ năm 2012 cho đến nay và mưa, gió đất bị xói mòn nên diện tích ao mới còn lại 309m². Từ ngày thỏa thuận cho vợ chồng bà D sử dụng ao vợ chồng ông Đ không có hành vi nào cản trở việc vợ chồng bà D sử dụng ao như đã thỏa thuận.

Vì vậy, vợ chồng ông Đ không chấp nhận yêu cầu bồi thường 20.000.000đ cho vợ chồng bà D, do vợ chồng ông Đ không vi phạm biên bản thỏa thuận và vợ chồng ông Đ vẫn chấp nhận để cho vợ chồng bà D tiếp tục sử dụng ao theo biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016. Trường hợp vợ chồng bà D không sử dụng ao nữa thì vợ chồng ông Đ lấy lại ao và không chấp nhận bồi thường.

- Bị đơn ông Dương N, bà Huỳnh Thị M trình bày:

Năm 2016, vợ chồng ông N mua diện tích đất của vợ chồng ông Đ. Do chưa thanh toán đủ tiền nên vợ chồng ông Đ chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông N, nay diện tích đất vợ chồng ông N đã mua nằm trong giấy CNQSD đất mang tên Phan Văn Đ.

Diện tích đất ao đang tranh chấp nằm trong diện tích đất vợ chồng ông N mua của vợ chồng ông Đ. Khi mua đất vợ chồng ông N vẫn để vợ chồng bà D sử dụng diện tích ao 10 năm theo thỏa thuận cam kết với vợ chồng ông Đ. Vợ chồng ông N không có hành vi san lấp diện tích ao, lòng ao vẫn được giữ nguyên như trước khi vợ chồng ông N mua đất của vợ chồng ông Đ, nên vợ chồng ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà D. Đồng thời, sau khi xảy ra tranh chấp, vợ chồng ông N đã trả lại đất và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Đ, lấy lại tiền. Hiện nay, phần diện tích ao đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Đ, không liên quan đến vợ chồng ông N nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T1 trình bày:

Năm 2013, ông T1 được bố mẹ là ông Huỳnh D1 và bà Trần Thị N1 tặng cho diện tích đất 6.550m². Năm 2016, ông đã sang nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Đ và đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất mang tên Phan Văn Đ.

Việc cam kết cho vợ chồng bà D sử dụng ao có viết giấy tờ thỏa thuận vào ngày 17/01/2012, giấy này do ông T1 viết, không có mặt ông D1, bà N1 (bố mẹ ông T1) nên ông T1 đã tự động ký thay. Việc này ông D1, bà N1 hoàn toàn không biết và cũng không có văn bản ủy quyền gì.

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Huỳnh D1 và bà Trần Thị N1 trình bày:

Ông D1 và bà N1 thừa nhận năm 2012, vợ chồng bà có cho vợ chồng bà D cái ao nhỏ và viết biên bản thỏa thuận cho vợ chồng bà D sử dụng suốt đời. Năm 2013, vợ chồng bà N1 đã tặng cho con trai út Huỳnh T1 diện tích đất 6.550m² trong đó có ao mà vợ chồng bà N1 cho vợ chồng bà D.

Nay vợ chồng bà D khởi kiện thì vợ chồng bà N1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Bắc Đăk Lăk trình bày:

Ngày 25/4/2016, ông Phan Văn Đ có giao dịch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1 Bắc Đăk Lăk với tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BN 589317 được UBND huyện K cấp ngày 30/9/2013, diện tích là 6.550m² tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Tuy nhiên, đến ngày 23/4/2018 hộ ông Phan Văn Đ đã trả hết toàn bộ số nợ vay đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ. Ngân hàng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Kông Năng trình bày:

Về hồ sơ đăng ký biến động đất đai:

Ngày 30/11/2000, hộ ông Huỳnh D1, trú tại: Thôn L1, xã P, huyện K được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 033581 tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 4, diện tích: 9.550m², mục đích sử dụng: Cà phê, thời hạn sử dụng: 2043.

Năm 2013, hộ ông Huỳnh D1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh T1 và bà Ngô Thị Xuân Tr đối với thửa đất số 249 (được tách ra từ thửa đất số 110), tờ bản đồ số 4, diện tích 6.550m², địa chỉ thửa đất: Xã P, huyện K, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm được UBND xã P chứng thực ngày 12/9/2013. Theo đó, ông Huỳnh T1 và bà Ngô Thị Xuân Tr được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 đối với thửa đất này.

Năm 2015, ông Huỳnh T1 và bà Ngô Thị Xuân Tr đã ly hôn. Căn cứ Quyết định ly hôn số 69/2015/QĐST - HNGD của Tòa án nhân dân huyện K, ông Huỳnh T1 làm thủ tục Đăng ký biến động đất đai vào ngày 06/8/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện K thay đổi nội dung pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về người khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 đã được UBND huyện, cấp ngày 30/9/2017 và đã đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ và bà Hồ Thị Thanh T ngày 22/4/2016.

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ - UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016). Nên việc thực hiện Đăng ký biến động đất đai chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2016 giữa ông Huỳnh T1 với ông Phan Văn Đ và bà Hồ Thị Thanh T không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24-8-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào các Điều 187, Điều 188; Điều 191; Điều 419 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Văn Đ và bà Huỳnh Thị M phải bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đồng cho ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thùy D đối với các yêu cầu: ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T, ông Dương N, bà Huỳnh Thị M liên đới bồi thường 20.000.000đồng vì đã gây ra thiệt hại đối với 150 trụ tiêu, 800 cây cà phê do không đủ nước tưới; trả lại 750m² diện tích đất ao, 100m² diện tích đất là đường đi xuống ao cho vợ chồng bà D và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T1, bà Ngô Thị Xuân Tr đã được đăng ký biên động sang tên ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T vào ngày 22/4/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí thẩm định giá và định giá, án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 07/9/2018, nguyên đơn bà Lại Thị Thùy D kháng cáo và ngày 14/9/2018 có đơn kháng cáo bổ sung, với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 11/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T, ông Dương N và bà Huỳnh Thị M liên đới bồi thường 20.000.000đ vì đã gây ra thiệt hại đối với 150 trụ tiêu, 800 cây cà phê do không đủ nước tưới và trả lại 750m² diện tích đất ao; 100m² diện tích đất đi xuống ao cho vợ chồng bà D. Yêu cầu Toà án buộc ông Huỳnh T1 bồi thường 20.000.000 đồng tiền mức hồ; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T1, bà Ngô Thị Xuân Tr đã được đăng ký biên động sang tên ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T vào ngày 22/4/2016.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lại Thị Thùy D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đồng bị đơn Phan Văn Đ, Hồ Thị Thanh T, Dương N, Huỳnh Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Trong đó, Ngân hàng TMCP

Đ1- Chi nhánh Bắc Đẩu Lắc có văn bản từ chối tham gia tố tụng; Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đẩu Lắc, do ông Châu Văn L - Phó chủ tịch UBND huyện là người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần hai, một số đương sự vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự như đề nghị của nguyên đơn và Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng: Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai nguyên đơn vợ chồng bà D đều cho rằng vợ chồng bà được bố mẹ là ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N1 thỏa thuận cho diện tích đất ao và con đường đi xuống ao tại thôn L, xã P để sử dụng suốt đời; có giấy chứng nhận viết tay, không ghi diện tích cụ thể. Tuy nhiên, ông A và bà D không làm thủ tục kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về hình thức của Giấy chứng nhận cho hồ (ao) được lập ngày 17/01/2012 (BL 80), xét thấy theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 thì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực thì mới có giá trị pháp lý. Mặt khác, giấy chứng nhận này do ông T1 viết, không có mặt ông D1, bà N1 (bố mẹ ông T1) nên ông T1 đã tự động ký thay. Việc này ông D1, bà N1 hoàn toàn không biết và cũng không có văn bản ủy quyền gì. Như vậy, Giấy chứng nhận cho hồ (ao) được lập ngày 17/01/2012 vô hiệu do một người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện sẽ không có giá trị pháp lý. Do vậy cần buộc vợ chồng bà D phải trả lại diện tích ao và đường đi cho ông Huỳnh D1, bà Trần Thị N1.

[3] Năm 2013, bố mẹ ông A cho lại ông Huỳnh T1 6.550m² đất có cả phần đất ao, ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Phan Văn Đ nhận sang nhượng đất này của ông T1. Ngày 11/4/2016 (BL 35), ông A và ông Đ ký biên bản thỏa thuận để cho ông A bà D sử dụng ao, sau 10 năm phải trả cho chủ sử dụng. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận ông Đ đã sang nhượng một phần diện tích đất của mình trong đó có phần ao này cho ông N, bà M. Vợ chồng ông N đã san ủi mặt bờ ao để trồng cây làm ảnh hưởng đến diện tích lòng ao của ông A sử dụng, nên xảy ra tranh chấp. Như vậy, ông Đ đã vi phạm biên bản thỏa thuận ngày 11/4/2016 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông A bà D, trong biên bản thỏa thuận có ghi nếu ai vi phạm sẽ phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (BL 35) . Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Hồ Thị Thanh T phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà T và ông N bà M phải liên đới bồi thường 20.000.000 đồng vì gây thiệt hại đối với 150 trụ tiêu và 800 cây cà phê do không đủ nước tưới. Thấy rằng nguyên đơn vợ chồng bà D cho rằng vợ chồng ông N

đã cho máy ủi vào san lấp ao, vợ chồng bà D có mời ban tự quản thôn tới can thiệp. Tuy nhiên, qua biên bản làm việc với ông Nguyễn Hữu Dung là trưởng Ban tự quản thôn L thì ông Dũng cho biết ông không nhìn thấy xe mức hoạt động san lấp mặt ao, việc ký vào biên bản ngày 25/6/2017 là để xác nhận vợ chồng bà D có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P chứ không xác nhận nội dung biên bản (BL 111). Như vậy, không có căn cứ để chứng minh việc vợ chồng ông N san lấp làm nhỏ diện tích ao nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu vợ chồng ông Đ và ông N bà M khôi phục hiện trạng ao ban đầu. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông A bà D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại đối với sản lượng cà phê và hồ tiêu trước và sau khi tranh chấp ao để xác định thiệt hại thực tế. Do ông A bà D không chứng minh được thiệt hại nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hồ tiêu và cà phê là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T1, bà Ngô Thị Xuân Tr đã được đăng ký biến động sang tên ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T vào ngày 22/4/2016 và trả lại diện tích 750m² ao và 100m² đường đi xuống ao cho vợ chồng bà D. Xét thấy, năm 2013 ông D1 bà N1 tặng cho ông Huỳnh T1 diện tích 6.550m², trong đó có diện tích ao đang tranh chấp. Năm 2016 ông T1 chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Phan Văn Đ. Ngày 11/4/2016 ông A ký biên bản thỏa thuận với ông Đ về việc sử dụng diện tích ao trong thời gian 10 năm. Như vậy, vợ chồng ông A bà D đã đồng ý thừa nhận việc ông T1 chuyển nhượng diện tích 6.550m², trong đó có diện tích ao cho vợ chồng ông Đ mà không có khiếu nại, việc này được cán bộ tiếp dân của Ủy ban nhân dân huyện K xác nhận qua biên bản làm việc ngày 15/6/2018 (BL 134). Do việc chuyển nhượng giữa ông T1 và ông Đ là đúng quy định và giấy cho tặng diện tích ao ngày 17/01/2012 không có giá trị pháp lý nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T và trả lại cho ông A, bà D 750m² đất ao và 100m² đất đường đi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo bổ sung yêu cầu ông T1 bồi thường 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về khoản chi phí mức ao hồ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng yêu cầu này chưa được đề cập đến khi khởi kiện ban đầu, cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết. Mặt khác, yêu cầu này cũng vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (như quyết định của bản án sơ thẩm) là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận, do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm) không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lại Thị Thuỳ D phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo nghị quyết 326/NQ-UBTVQH k14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lại Thị Thuỳ D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 187, Điều 188; Điều 191; Điều 419 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phan Văn Đ và bà Huỳnh Thị M phải bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thuỳ D.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn A và bà Lại Thị Thuỳ D đối với các yêu cầu: ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T, ông Dương N, bà Huỳnh Thị M liên đới bồi thường 20.000.000 đồng vì đã gây ra thiệt hại đối với 150 trụ tiêu, 800 cây cà phê do không đủ nước tưới; trả lại 750m² diện tích đất ao, 100m² diện tích đất là đường đi xuống ao cho vợ chồng bà D và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 589317 ngày 30/9/2013 do UBND huyện K cấp cho ông Huỳnh T1, bà Ngô Thị Xuân Tr đã được đăng ký biến động sang tên ông Phan Văn Đ, bà Hồ Thị Thanh T vào ngày 22/4/2016.

[2] Về án phí phúc thẩm dân sự: bà Lại Thị Thuỳ D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0010714 ngày 19/9/2018 của cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị và được thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường